

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2019/HSPT
Ngày 08 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các Thẩm phán:

Ông Tạ Văn Thành

Bà Lê Thị Thu Huyền

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Hàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 01 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 80/2018/HSPT ngày 12 tháng 12 năm 2018 do có kháng cáo của người bị hại anh Phùng Ngọc L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2018/HSST ngày 14/11/2018 của TAND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Hoàng Văn Đ, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1988; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (ngày 03/8/2018, Huyện ủy B đã ra quyết định xóa tên trong danh sách Đảng viên do vi phạm Điều 8 của Điều lệ Đảng “tự ý bỏ sinh hoạt đảng, không nộp hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng”); Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ; Có vợ là Vũ Thị T, (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1979; Nơi cư trú: Thôn C, xã HA, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Trần Ngọc U và 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011). Tiền án, tiền sự: Không

Về nhân thân: Ngày 31/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Bị hại có kháng cáo: Anh Phùng Ngọc L, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Khu Hưng Tiến, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1979 ở thôn C, xã HA, huyện H, tỉnh B là Giám đốc Công ty TNHH du lịch Minh Vũ hoạt động kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái, trụ sở tại ngõ 5/12, phố N, phường M, quận B, thành phố H. Trong quá trình kinh doanh, T quen Hoàng Văn Đ, sinh năm 1988 ở xóm N, xã T, huyện B, tỉnh T và sau đó cho Đ làm thuê tại công ty của T.

Ngày 26/7/2017, T ký hợp đồng thuê xe tự lái đối với xe ô tô nhãn hiệu Mazda3, màu nâu, biển số 30A-916.84 của ông Lê Đắc H, sinh năm 1964 hộ khẩu thường trú tại số 4, ngõ 5/12, phố N, phường M, quận B, thành phố H với giá 16.500.000 đồng/tháng. Thời hạn thuê 1 năm, từ ngày 26/7/2017 đến ngày 26/7/2018. Hợp đồng quy định nghiêm cấm bên thuê “đem xe đi cầm cố, thế chấp xe”. Sau khi ký hợp đồng, T nhận xe về kinh doanh. Đến đầu tháng 10/2017, ông H lấy lại xe ô tô về sử dụng. Trong thời gian này, do không có tiền trả nợ cho T nên Hoàng Văn Đ bàn với T thuê xe của ông H về đưa cho Đ thuê để Đ đem xe đi cầm cố xe, lấy tiền trả tiền T. T đồng ý. Ngày 15/10/2017, T gọi điện thoại cho ông H, thống nhất việc T tiếp tục thuê xe ô tô biển số 30A-916.84 của ông H. Thời hạn thuê tính lại từ ngày 15/10/2017 đến ngày 26/7/2018. Ông H đồng ý giảm tiền thuê xe xuống còn 16.000.000 đồng/tháng. Việc thanh toán được thực hiện 2 tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng. Những nội dung khác được T, ông H thực hiện như hợp đồng đã ký trước đây. Sau khi ông H đồng ý, T bảo Đ đến nhà ông H lấy xe cùng giấy tờ xe. Ngay trong ngày Đ nhờ anh Đàm Thanh Lâm, sinh năm 1989 xã Hùng Long, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là bạn học đại học cùng Đ đưa đến cửa hàng cầm đồ của anh Phùng Ngọc L ở khu hành chính Hưng Tiến, thị trấn Đ, huyện Đ để thế chấp chiếc xe ô tô biển số 30A-916.84 với giá 250.000.000 đồng. Khi làm thủ tục, cả ba thống nhất để anh Lâm viết giấy vay tiền với số tiền là 300.000.000đ, trong đó có 250.000.000đ là tiền cầm cố chiếc xe ô tô biển số 30A-916.84, còn 50.000.000đ là tiền anh Lâm vay hộ Đ từ trước. Đồng thời anh Lâm phải viết giấy bán xe ô tô cho anh L. Đ là người ký chứng kiến. Sau đó, anh L đưa cho Đ tiền, Đ giao lại xe ô tô biển số 30A-916.84 cùng giấy tờ xe cho anh L quản lý. Ngày 17/10/2017, Đ kể lại việc đã cầm cố chiếc xe ô tô biển số 30A-916.84 trên huyện Đ

cho T nghe, đưa cho T khoảng 200.000.000 đồng. Số tiền còn lại Đ chi tiêu cá nhân hết.

Đầu tháng 12/2017, T yêu cầu Đ đem chiếc xe ô tô biển số 30A-916.84 về. Do Đ không có tiền trả cho anh L nên Đ và T bàn bạc mượn ông H chìa khóa phụ xe ô tô biển số 30A-916.84 để đi trộm cắp xe. T gọi điện thoại cho ông H nói dối chìa khóa xe bị hỏng, hỏi mượn chìa khóa phụ, ông H đồng ý. Ngày 05/12/2017, T bảo Đ đến nhà ông H lấy chìa khóa sau đó Đ gọi điện thoại cho anh Triệu Hữu T, sinh năm 1986 ở phường Quang Trung, thành phố T, tỉnh T làm nghề lái xe ôm nhờ sang thị trấn Đ tìm chiếc xe ô tô biển số 30A-916.84. Cả hai đều không nói cho anh T biết mục đích tìm xe để trộm cắp.

Sáng ngày 06/12/2017, Đ điều khiển xe ô tô chở T từ H lên thị trấn Đ. Khi qua nhà anh L, phát hiện chiếc xe ô tô trên đồ trước nhà, T bảo Đ xuống lấy xe nhưng Đ sợ bị phát hiện vì lúc này có nhiều người nên Đ không lấy. Đ đẩy xe cùng chiều, cách xe ô tô biển số 30A-916.84 khoảng 100m về phía Tuyên Quang rồi ngồi theo theo dõi và chờ T sang. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe máy đến. Đ, T chỉ cho T chiếc xe ô tô biển số 30A-916.84 và dặn T theo dõi. Khoảng 15 giờ, T báo tin anh L đang lái xe ô tô biển số 30A-916.84 theo quốc lộ 2 đi về phía Tuyên Quang. Đ và T lái xe đi theo. Khi đến khu vực doanh trại Sư đoàn 316, anh L quay đầu xe về nhà nên Đ, T tiếp tục vào quán nước, ngồi chờ. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T, Đ đi dọc đường đê liên xã thuộc xã Chí Đám, huyện Đ để thăm dò, tìm đường tẩu thoát. Khoảng 18 giờ cùng ngày, anh L điều khiển xe 30A-916.84 đỗ tại cổng nhà bố đẻ là ông Phùng Huy Lâm, sinh năm 1950 ở cùng khu. Anh L vẫn để chìa khóa trong xe ô tô, đóng cửa xe rồi đi bộ về nhà. Thấy vậy, anh T gọi điện thông báo cho T và Đ biết. T và Đ đến gần vị trí chiếc xe ô tô biển số 30A-916. Đ xuống xe, đi bộ đến chiếc xe ô tô, dùng chìa khóa phụ mang theo từ trước, bấm mở khóa, điều khiển xe ra quốc lộ 2 rồi đi về thành phố T. T đi về nhà. Sau đó, T hẹn Đ tại nhà T ở xã HA, huyện H, tỉnh B. Khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, T về đến nhà, kiểm tra xe thấy bên trong có một số giấy tờ của anh Phùng Ngọc L, 1 chiếc chăn cũ, 1 cuộn dây điện đã qua sử dụng. T bảo Đ điều khiển xe về Hà Nội cất giấu. Sau khi phát hiện xe ô tô biển số 30A-916.84 bị trộm cắp, anh L trình báo Công an thị trấn Đ.

Ngày 07/12/2017, Hoàng Văn Đ giao lại chiếc xe cho Nguyễn Ngọc T. T tiếp tục sử dụng xe kinh doanh cho thuê tự lái. Do xe đã qua nhiều người thuê nên giấy tờ của anh L cùng một số đồ vật đã cũ bị thất lạc. Đến ngày 01/4/2018, T cho anh Trương Công D, sinh năm 1990 nơi cư trú xã Y, huyện Như T, tỉnh T thuê xe. Khi anh D điều khiển xe ô tô biển số 30A-916.84 đến Tuyên Quang thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đ phát hiện, phối hợp cùng Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Tuyên Quang kiểm tra và thu giữ.

Quá trình điều tra, Hoàng Văn Đ và Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 05/01/2018, Cơ quan điều tra ra quyết định yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu nâu, biển số 30A-916.84 đã bị Hoàng Văn Đ và Nguyễn Ngọc T trộm cắp. Tại bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 10/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản - huyện Đ kết luận: “Chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Mazda 3, màu nâu, biển số 30A-916.84 sản xuất năm 2015 trị giá là 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng).”

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2018/HSST ngày 14/11/2018, TAND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đã: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Đ và Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Đ 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 11/5/2018. Bị cáo Nguyễn Ngọc T 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 14/5/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, về dân sự, xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/11/2018, người bị hại là anh Phùng Ngọc L kháng cáo với nội dung: Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn Đ và Nguyễn Ngọc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Phùng Ngọc L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm: Đơn kháng cáo của người bị hại là anh Phùng Ngọc L đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung kháng cáo của anh Phùng Ngọc L xét thấy tại cấp phúc thẩm anh L không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, Tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người bị hại anh Phùng Ngọc L trong hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Hoàng Văn Đ phạm tội ngày 06/12/2017, thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực. Hình phạt áp dụng đối với loại tội phạm này và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 không có lợi so với Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với các bị cáo là đúng quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo của người bị hại anh Phùng Ngọc L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Hoàng Văn Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu nâu, biển số 30A-916.8, theo kết quả định

giá trị giá 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) đang do anh Phùng Ngọc L quản lý. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Hoàng Văn Đ đã bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Hoàng Văn Đ và Nguyễn Ngọc T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bố đẻ bị cáo Nguyễn Ngọc T là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã cho bị cáo T hưởng tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Trong quá giải quyết cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Ngọc T còn có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, đề xét xử quyết định xử cho các bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề là phù hợp các quy định của pháp luật. Vì vậy, toàn bộ nội dung kháng cáo của người bị hại không có cơ sở chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của người bị hại là anh Phùng Ngọc L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 54/2018/HSST ngày 14/11/2018 của TAND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

[2] Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Đ và Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 138, các điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 11/5/2018.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 138, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 14/5/2018.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CA, TA, VKS, THADS huyện Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- CA tỉnh Phú Thọ;
- Tb UBND xã T, xã HA
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương